

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **161/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-12-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Ngọc Hân;

2. Bà Võ Thị Tiếng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 694/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 428/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Minh T, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp ĐS 1, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 925, tổ 47, khóm BĐ 2, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn chị Hồ Thị Minh T thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn N chung sống từ năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BĐ vào ngày 21/8/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống

hạnh phúc và có với nhau một con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 16/4/2018. Nhưng đến khoảng tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất hòa trong hôn nhân, thông gia hai bên cứ cãi xô xát nhau. Từ tháng 5/2020 thì cả hai cũng đã ly thân cho đến nay. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

1/ Về hôn nhân: Ly hôn với anh N;

2/ Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy P, sinh ngày 16/4/2018 và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về quan hệ nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Minh T bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày ý kiến như sau:

Anh thống nhất quá trình vợ chồng tiến đến hôn nhân. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn do vợ chồng không có mâu thuẫn, mà là do mâu thuẫn giữa người lớn hai bên. Anh yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng có thêm thời gian để hàn gắn tình cảm.

Giữa anh và chị T có một con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 16/4/2018, hiện con đang được mẹ chăm sóc.

Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh N không đồng ý ly hôn do giữa vợ chồng không có mâu thuẫn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh N. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BĐ vào ngày 21/8/2017. Sau khi kết hôn chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh N đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất hòa trong hôn nhân, thông gia hai bên cứ cãi xô xát nhau. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T anh N không đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa chị T xác định giữa chị và anh N không có mâu thuẫn; nguyên nhân chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống là do mâu thuẫn giữa cha mẹ hai bên. Bên cạnh đó chị T cũng xác định trong thời gian chung sống

anh N là một người chồng có trách nhiệm, biết lo làm ăn, quan tâm vợ con, không có hành vi ngược đãi gì đối với chị; còn thời gian chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì anh N cũng có tới lui, quan tâm, chăm sóc con và chị. Hiện tại chị cũng còn thương anh N. Bên cạnh đó, anh N cũng trình bày nếu chị T không thể chung sống được với gia đình anh thì anh cũng đồng ý thuê nhà để vợ chồng sống riêng.

Từ lời trình bày của anh, chị cho thấy không có căn cứ về việc hôn nhân của anh, chị có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.

[2.2] Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về con chung, tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh, chị.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Minh T với anh Nguyễn Văn N.

2/ Về con chung, tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không xem xét.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007702 ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Chị T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu